TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2019/DS-ST
Ngày: 07/5/2019
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Thư

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Túy Phượng

2. Ông Nguyễn Văn Trai

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Phạm Thanh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 07/5/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Thuận An, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 20/2019/TLST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2019, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Đinh Thị M, sinh năm 1962; trú tại: khu phố B, phường B, thị xã Th, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Phương H, sinh năm 1985; Trú tại: phường H, Thành phố Th, tỉnh B (văn bản ủy quyền ngày 24/12/2018).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1966; trú tại: khu phố B, phường B, thị xã Th, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 24/12/2018, quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương H trình bày:

Bà Đinh Thị M làm nghề buôn bán bỏ mối gạo. Từ năm 2014 bà M có bỏ gạo cho bà M (lúc đó bà M có bán quán cơm). Ngày 17/11/2017, do cần tiền nên bà M có vay của bà M 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng). Đến ngày 09/10/2018, bà M lại vay tiếp của bà M 90.000.000 đ (chín mươi triệu đồng). Ngày 05/12/2018 bà M

có ký văn bản xác nhận tổng số tiền vay là 490.000.000đ và bà M cam kết đến ngày 15/12/2018 sẽ trả hết số nợ trên cho bà M. Tuy nhiên, bà M không thực hiện cam kết nên bà M khởi kiện yêu cầu bà M trả số nợ 490.000.000đ và tiền lãi từ thời điểm vay đến ngày 15/12/2018 là 80.496.986đ.

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh yêu cầu khởi kiện: Giấy vay tiền ngày 17/11/2017, văn bản xác nhận vay tiền ngày 05/12/2018, giấy xác nhận lãi vay ngày 05/12/2018.

Bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Từ năm 2013 bà M có kinh doanh quán cơm nên thường mua gạo, than của bà M. Từ mối quan hệ quen biết đó nên bà M có vay của bà M 100.000.000đ không lập giấy vay để giải quyết việc gia đình. Đến năm 2015 bà M trả cho bà M 44.000.000đ tiền lãi và cũng không viết giấy, còn tiền gốc thì chưa trả. Ngày 07/11/2017 bà M yêu cầu bà M viết giấy vay với nội dung vay của bà M 400.000.000đ, đồng thời bà M đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà M cho bà M giữ. Ngày 05/12/2018 bà M yêu cầu bà M trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bà M đi vay ngân hàng nên bà M yêu cầu bà M ký văn bản xác nhận vay tiền và giấy xác nhận lãi vay. Nay bà M khởi kiện yêu cầu bà M trả số tiền nợ gốc 490.000.000đ và tiền lãi 80.496.986đ thì bà M không đồng ý. Bà M chỉ đồng ý trả bà M 100.000.000đ tiền nợ gốc và 100.000.000đ tiền lãi. Bà M không có yêu cầu phản tố.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và cho bà M trả nợ làm 02 lần, mỗi lần cách nhau 02 tháng. Bị đơn bà M trình bày do hoàn cảnh rất khó khăn nên yêu cầu được trả dần.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Sau khi nghiên cứu tài liệu có tại hồ sơ vụ án, thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M thanh toán số tiền nợ theo giấy vay tiền. Quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà M cư trú tại phường B, thị xã Th, tỉnh B nên Tòa án nhân dân thị xã Th

thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 35, Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn bà M khởi kiện yêu cầu bị đơn bà M thanh toán số tiền 570.496.986đ, trong đó nợ gốc là 490.000.000đ, tiền lãi là 80.496.986đ (trong đó lãi của 400.000.000đ tính từ ngày 17/11/2017 đến ngày 15/12/2018 là 77.523.288đ, tiền lãi của 90.000.000đ tính từ ngày 09/10/2018 đến ngày 15/12/2018 là 2.973.699đ). Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là giấy vay tiền, giấy xác nhận vay tiền và giấy xác nhận lãi vay có chữ ký, dấu lăn tay của bà M và bà M.

Xét thấy: Tại bản tự khai bà M trình bày chỉ vay của bà M 100.000.000đ, tuy nhiên quá trình đối chất, hòa giải bà M vắng mặt không có lý do. Tại biên bản lấy lời khai bà M lập ngày 21/02/2019 tại Tòa án thì bà M xác định có vay tiền của bà M, có ký tên lăn tay ở giấy vay tiền ngày 17/11/2017, giấy xác nhận lãi và văn bản xác nhận vay tiền ngày 05/12/2018. Bà M cho rằng việc bà ký tên lăn tay vào các giấy tờ ngày 05/12/2018 là để bà M trả lại bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên bà M không cung cấp được chứng cứ gì khác để chứng minh cho lời trình bày của mình. Mặt khác bà M xác định hiện đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, lời trình bày của bà M không có cơ sở. Bà M khởi kiện yêu cầu bà M trả số nợ 490.000.000đ (bốn trăm chín mươi triệu đồng) là có căn cứ.

Theo văn bản xác nhận vay tiền lập ngày 05/12/2018 thì bà M cam kết đến ngày 15/12/2018 sẽ trả hết số nợ cho bà M. Tại phiên tòa bà M cho rằng hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị được trả dần, đại diện nguyên đơn không chấp nhận. Xét, đề nghị của bị đơn đã xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự, do đó Tòa án không chấp nhận.

Từ nhận định trên, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

[3] Về lãi suất: Theo thỏa thuận của các bên mức lãi suất 18%/năm phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả nợ theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 36; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị M đối với bị đơn bà Nguyễn Thị M.

Buộc bà Nguyễn Thị M phải trả cho bà Đinh Thị M số tiền 570.496.986đ (năm trăm bảy mươi triệu, bốn trăm chín mươi sáu nghìn, chín trăm tám sáu đồng), trong đó 490.000.000đ là nợ gốc và 80.496.986đ tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 26.819.880 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đinh Thị M không phải chịu án phí, trả lại bà Mai số tiền 13.409.940 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0024832 ngày 31/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Anh Thư
(đã ký)

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận an;
- Chi cục THADS thị xã Thuận an;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Anh Thư

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**